

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK SONG
TỈNH ĐẮK NÔNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 82/2021/DS-ST

Ngày 31/8/2021

*“V/v Tranh chấp hợp đồng tín
dụng”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hà;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Cần Thị Thành và ông Hoàng Minh Hải.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Nhân - Cán bộ Tòa án;

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Song, tỉnh Đắc Nông tham gia
phiên tòa:* Lê Thị Tâm - Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc Song xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 106/2021/TLST- DS ngày 17 tháng 3 năm 2021 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2021/QĐXXST- DS ngày 28 tháng 7 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 130/ 2021/ QĐ-ST ngày 13/8/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N Việt Nam.

Trụ sở: Số 02, đường L, phường C, quận B, Thành phố Hà Nội.

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Văn T - Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng N Việt Nam – Chi nhánh huyện Đ – Là người đại diện theo ủy quyền theo Quyết định số 2965/QĐ-N – PC của Tổng giám đốc Ngân hàng N Việt Nam.

Địa chỉ: T3, thị trấn Đ, huyện S, tỉnh Đắc Nông.

Người được ủy quyền lại: Ông Quang B, chức vụ: Phó giám đốc Chi nhánh Ngân hàng N Việt Nam – Chi nhánh huyện Đ – Là người đại diện theo ủy quyền theo Quyết định số 739/QĐ -N – ĐS của Giám đốc Chi nhánh Đ; có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1980; vắng mặt.

Địa chỉ: T11, xã N, huyện S, tỉnh Đắc Nông.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị B, sinh năm 1983.

Địa chỉ: T11, xã N, huyện S, tỉnh Đắc Nông

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 08 tháng 01 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông Quang B người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 28/03/2018 ông T và bà B có làm đơn vay Ngân hàng N Việt Nam - Chi nhánh Huyện Đ để chăm sóc cà phê, tiêu và trồng mới tiêu số tiền 1.600.000.000 đồng (*Một tỷ sáu trăm triệu đồng*). Tuy nhiên, tại Hợp đồng tín dụng số: 5305-LAV-2018/01040, ông T ký với tư cách đại diện của hai vợ chồng, hạn trả cuối cùng vào ngày 26/03/2019. Thời hạn phải thanh toán tiền gốc và lãi vay cho ngân hàng theo hình thức: Trả gốc 01 lần, trả lãi theo định kỳ 06 tháng 01 lần, lãi suất cho vay là 9,5%/ năm/ trên nợ gốc, lãi suất quá hạn là 14,25%/ năm. Đến ngày 26/03/2019 ông T và bà B đã không thực hiện theo hợp đồng đã ký và để nợ khoản vay quá hạn. Như vậy, ông T và bà B đã vi phạm hợp đồng tín dụng, không thực hiện theo đúng kế hoạch trả nợ và để quá hạn kể từ ngày 27/03/2019.

Trong quá trình xử lý thu hồi nợ Ngân hàng N Việt Nam - Chi nhánh Huyện Đ đã xử lý thu hồi được nợ với số tiền gốc là : 1.043.062.320 đồng và lãi suất là 76.208.219 đồng. Số nợ còn lại ông T và bà B không thực hiện. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi cho Ngân hàng trong việc thu hồi vốn, Ngân hàng đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết số nợ còn lại do vi phạm hợp đồng, buộc ông T và bà B phải trả cho Ngân hàng N Việt Nam số tiền như sau:

+ Nợ gốc: 556.598.680 đồng.

+ Nợ lãi : 413.532.880 đồng (tính đến ngày xét xử).

Tổng cộng cả gốc và lãi mà ông T và bà B phải trả là: 970.470.560 đồng.

(*Bằng chữ: Chín trăm bảy mươi triệu, bốn trăm bảy mươi nghìn, năm trăm sáu mươi đồng*).

Ngân hàng N Việt Nam – Chi nhánh Đ yêu cầu Tòa án tiếp tục tính lãi suất theo thỏa thuận giữa các bên tại Hợp đồng tín dụng số: 5305-LAV-2018 /01040 ngày 28/3/2018 cho đến khi ông T và bà B trả xong nợ.

Biện pháp bảo đảm cho khoản vay: Ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị B có thể chấp tài sản để đảm bảo cho khoản vay trên. Tuy nhiên, Ngân hàng N Việt Nam – Chi nhánh Đ không yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo yêu cầu khởi kiện nên Tòa án không xem xét giải quyết là đúng với phạm vi khởi kiện của Ngân hàng.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị B: Theo kết quả xác minh tại địa phương thì ông T và bà B có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương nhưng hiện nay đã bỏ đi đâu không thông báo cho Ngân hàng cũng như chính quyền địa phương biết. Vì vậy, Ngân hàng đã nhắn tin thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và báo Trung ương theo quy định về thông báo tìm kiếm cũng như thời hạn làm việc. Trên cơ sở đó Tòa án tiến hành niêm yết theo quy định tất cả các văn bản tố tụng hợp lệ cho ông T và bà B, nhưng bà ông T và bà B không chấp hành. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Đắk Song đã lập các biên bản theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông trình bày quan điểm giải quyết vụ án: Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký từ khi thụ lý giải quyết vụ án đến khi Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng

pháp luật tố tụng. Bị đơn ông Nguyễn Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị B chưa chấp hành tốt, Tòa án phải tiến hành nhắc nhở, nhắc nhở các thủ tục tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn chấp hành tốt, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

-Về nội dung: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, Điều 72, Điều 147, Điều 173, Điều 179, 180, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Áp dụng các Điều 280 và Điều 282 Bộ luật dân sự;

Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Đề nghị HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng N Việt Nam buộc ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị B phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc 556.598.680 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật.

Ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị B tiếp tục chịu lãi suất theo Hợp đồng tín dụng số: 5305-LAV-2018 /01040 ngày 28/3/2018 như đã thỏa thuận trong hợp đồng đối với số tiền gốc chưa thi hành kể từ ngày 01/9/2021 cho đến khi thanh toán hết nợ.

Ý kiến khắc phục khác: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

I. Về tố tụng:

[1] Ngân hàng N Việt Nam khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị B phải trả số tiền gốc là 556.598.680 đồng và tổng tiền lãi trong hạn và quá hạn tính đến ngày 31/8/2021 là 413.532.880 đồng. Tại thời điểm vay vốn ông T và bà B sinh sống tại T11, xã N, huyện S. Vì vậy, Quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là “ Tranh chấp hợp đồng tín dụng” được quy định khoản 1 Điều 26 và thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về chấp hành pháp luật của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Căn cứ kết quả xác minh hiện nay bị đơn và người liên quan không còn sinh sống tại địa phương nên để có căn cứ giải quyết vụ án Tòa án đã đề nghị Ngân hàng thông báo nhắc nhở tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú, tiến hành nhắc nhở các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 173, Điều 179, Điều 180 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, ông T và bà B không chấp hành. Vì vậy, Tòa án lập các biên bản theo Bộ luật tố tụng dân sự quy định và quyết định xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc đương sự không chấp hành pháp luật được coi tự ý từ bỏ quyền được tham gia tố tụng, quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình quy định tại Điều 70, Điều 72 của BLTTDS.

[4] Xét nội dung tranh chấp:

Căn cứ hợp đồng tín dụng số 5305-LAV-2018 /01040 ngày 28/3/2018 thì khoản vay trên ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị B đã để quá hạn, Ngân hàng đã thông báo thu hồi nợ nhiều lần nhưng chỉ thu được một phần gốc và lãi; phần còn lại không có khả năng trả. Vì vậy, Ngân hàng đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết. Mặc dù, trong hợp đồng tín dụng một mình ông T ký vay vốn nhưng trong đơn yêu cầu vay vốn cả ông T và bà B đều ký đề nghị vay vốn, mục đích vay vốn là phục vụ đầu tư rầy cả phê và tiêu. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T và bà B có trách nhiệm trả nợ là đúng quy định của pháp luật. Hiện nay, khoản vay này đã quá hạn, nguyên nhân ông T và bà B không có mặt tại địa phương, đi làm ăn đâu không rõ địa chỉ. Quá trình thực hiện hợp đồng ông T và bà B trả được một phần gốc và lãi. Phần còn lại không thực hiện nên Ngân hàng đã khởi kiện. Tính đến ngày xét xử ông T và bà B còn nợ Ngân hàng N Việt Nam số tiền gốc là 556.598.680 đồng (*Năm trăm năm mươi sáu triệu, năm trăm chín mươi tám nghìn sáu trăm tám mươi đồng*) và tiền lãi của hợp đồng tính đến ngày 31/8/2021, do Ngân hàng lập bảng kê tính lãi cung cấp cho Tòa án. Qua đối chiếu kiểm tra dựa trên hợp đồng về lãi suất các bên thỏa thuận thì ông T và bà B còn nợ tổng tiền lãi là 413.532.880 đồng (Trong đó lãi trong hạn 351.202.742 đồng, lãi quá hạn 62.330.138 đồng). Tổng cộng cả gốc và lãi của là 970.470.560 đồng (*Chín trăm bảy mươi triệu, bốn trăm bảy mươi nghìn, năm trăm sáu mươi đồng*). Nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N Việt Nam là có căn cứ nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

[3.1] Về số tiền lãi chậm trả kể từ ngày 01/9/2021. Theo hướng dẫn tại Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 17/10/2016 thì ông T và bà B phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số: 5305-LAV-2018 /01040 ngày 28/3/2018 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì ông T và bà B phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng như đã thể hiện trong hợp đồng cho đến khi trả xong nợ.

[3.2] Về tài sản thế chấp: Ngân hàng N Việt Nam không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên không đề cập xử lý.

[4] Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và đúng pháp luật nên được chấp nhận.

[5] *Về án phí*: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của số tiền 970.470.560 đồng = 36.000.000 đồng + (3% của phần giá trị tranh chấp vượt quá 800.000.000 đồng (là 170.470.560 đồng x 3%) = 5.114.116 đồng. Tổng cộng án phí phải chịu là: 36.000.000 đồng + 5.114.116 đồng = 41.114.116 đồng (*Bốn mươi một triệu, một trăm mười bốn nghìn, một trăm mười sáu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 70, Điều 72, Điều 147, Điều 173, Điều 179, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244, Điều 271 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Áp dụng các Điều 280 và Điều 282 Bộ luật dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N Việt Nam.

Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị B phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N Việt Nam số tiền tổng cộng cả gốc và lãi là 970.470.560 đồng (*Chín trăm bảy mươi triệu, bốn trăm bảy mươi nghìn, năm trăm sáu mươi đồng*), trong đó tiền gốc 556.598.680 đồng (*Năm trăm năm mươi sáu triệu, năm trăm chín mươi tám nghìn sáu trăm tám mươi đồng*), tiền lãi trong hạn 351.202.742 đồng, lãi quá hạn 62.330.138 đồng), thời hạn tính tiền lãi tính đến ngày 31/8/2021.

Kể từ ngày 01/9/2021, ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị B tiếp tục phải chịu lãi suất phát sinh theo thỏa thuận như hai bên ký kết theo hợp đồng tín dụng số: 5305-LAV-2018 /01040 ngày 28/3/2018, tương ứng với thời gian và số tiền gốc chậm trả cho đến khi thi hành án xong.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị B phải nộp 41.114.116 đồng (*Bốn mươi một triệu, một trăm mười bốn nghìn, một trăm mười sáu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng N Việt Nam số tiền 21.025.000 đồng (*Hai mươi một triệu, không trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005227 ngày 12/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi

hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đ;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Hoàng Thị Thu Hà